

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Địa điểm thực hiện dự án: Trường Đại học Đà Lạt;
- Địa chỉ: 1 Đường Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Lâm Đồng.
- Quy mô của dự án: Theo phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu: Đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật.

1.1. Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan/Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn:

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
A	KHOA SINH HỌC				
I	HÓA CHẤT				
1	3,5-dinitro benzoic acid Code: GRM1529-100G	Ấn Độ	Assay (NaOH Titration) 99% - 102%	Lọ/100g	1
2	α -naphthol (1 Naphthol)	Ấn Độ	Phạm vi điểm nóng chảy/°C 94~97	Lọ/1G	1
3	Acid chlohydric_ HCl	China	HCl $\geq$ 36 %	Chai/500ml	1
4	Acid picric-C ₆ H ₃ N ₃ O ₇ Code: 197378-100G	Merck	Purity (HPLC) $\geq$ 98 %	Lọ/100g	1
5	Agar powder	Vietnam	Hàm lượng chất tan trong nước $\geq$ 99 %	Gói/500g	6
6	Albumin	Ấn Độ	Egg albumin powder	Lọ/500g	1
7	Amonium nitrate _NH ₄ NO ₃	China	NH ₄ NO ₃ $\geq$ 95 %	Lọ/500g	2
8	Bismuth (III) nitrate pentahydrate GRM1222-500g	Himedia	Complexometric EDTA > 98.0 %	Lọ/500g	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
9	Blue thymol	Himedia	GRM075-5G Thymol blue	Lọ/5g	1
10	Bromophenol blue (Bromophenol Blue indicator (Chai 25G, Biobasic, Cas 115-39-9)	Canada	Bromophenol Blue indicator (Chai 25G, Biobasic, Cas 115-39-9)	Lọ/25g	1
11	Calcium Nitrat $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$	TQ	$\text{Ca}(\text{NO}_3)_2 \geq 95 \%$	Lọ/500g	2
12	Sodium acetate _ CH_3COONa TQ	TQ	$\text{CH}_3\text{COONa} \geq 99 \%$	Lọ/500g	1
13	Calcium carbonate _ CaCO_3 TQ	TQ	$\text{CaCO}_3 \geq 99 \%$	Lọ/500g	1
14	Chất chuẩn pH 7	Hanna	Độ chính xác ± 0.01 pH @25°C	Chai	1
15	Chất chuẩn pH 4	Hanna	Độ chính xác ± 0.01 pH @25°C	Chai	1
16	Chloroform	Vietnam	$\text{CHCl}_3 \geq 99 \%$	Chai/500mL	1
17	Chì acetate- $\text{Pb}(\text{CH}_3\text{COO})_2$	TQ	$(\text{CH}_3\text{COO})_2\text{Pb} \geq 99 \%$	Lọ/500g	1
18	Chế phẩm sinh học Extra Bio (men vi sinh nuôi cá)	Vietnam	Extrabio Chai 500ml	Chai/500ml	5
19	Coomassie® Brilliant blue G 250 (C.I. 42655) for electrophoresis - Hóa chất tinh khiết (Merck) 1.15444.0025	Sigma-aldrich	Coomassie® Brilliant blue G 250 (C.I. 42655) for electrophoresis - Hóa chất tinh khiết (Merck) 1.15444.0025	Lọ/25g	1
20	Copper sulphate _ CuSO_4 TQ	China	Copper sulphate _ $\text{CuSO}_4 \geq 99 \%$	Lọ/500g	1
21	Dinh dưỡng thủy canh dạng Bột cho RAU ĂN LÁ 5KG	Hachi Vietnam	gồm 2 gói A và B	5kg/gói	2
22	3,5- Dinitro Salicylic Acid	Duksan	$\text{C}_7\text{H}_4\text{N}_2\text{O}_7 \geq 95 \%$	Chai 25g	1
23	DMSO (Dimethylsulfoxide)	China	$\text{CH}_3)_2\text{SO} \geq 99 \%$	Chai/500ml	2
24	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ Cidex OPA	Johnson & Johnso	Hoạt chất Ortho-Phthaldehyde: 0,55% và thành phần trợ: 99,45%	Can/3,78 lít	1
25	Ethanol 97	Vietnam	Hàm lượng ~ 96%	Lít	120
26	Folin- Ciocalteu reagent RM10822-500ML	Ấn Độ	pH của dung dịch nước 10% w/v ở 25°C :4 - 7,50	Hộp/500ml	1
27	Gelrite Code: G1101.0250	Duchefa Hà Lan	Kích thước hạt > 95	Hộp/250g	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
28	Glucose	China	Độ quay riêng +52.5~+53.0	Lọ/500g	4
29	RM003-500G HM Extract Powder	Ấn Độ	Độ hòa tan Tan: dễ dàng trong nước cất/nước tinh khiết, không tan trong cồn.	Hộp/500g	1
30	Hormone NAA (α -naphthalene acetic acid)- Kích rễ	Duchefa Hà Lan	Điểm nóng chảy 130°C - 132°C	Lọ/25g	1
31	Iodine-I2	China	I2 $\geq$ 99 %	Lọ/250g	1
32	Potassium hydrophosphate monobasic _ KH2PO4 TQ	China	KH2PO4 $\geq$ 99 %	Lọ/500g	1
33	Potassium phosphate dibasic _ K2HPO4 TQ	China	K2HPO4 $\geq$ 98 %	Lọ/500g	1
34	Magie bột	China	Mg $\geq$ 95 %	Lọ/25g	1
35	Magnesium chloride _ MgCl2 TQ	China	MgCl2 $\geq$ 98 %	Lọ/500g	2
36	Magnesium sulphate _ MgSO4 TQ	China	MgSO4 $\geq$ 99 %	Lọ/500g	3
37	RM003-500G HM Extract Powder	Ấn Độ	Độ hòa tan Tan: dễ dàng trong nước cất/nước tinh khiết, không tan trong cồn.	Lọ/500g	1
38	Môi trường Schenk & Hilderandt Basal salt	Duchefa Hà Lan	Code: S0225.0050 lọ pha được 50 Lít	Lọ	1
39	Môi Trường MS -Murashige & Skoog medium including vitamin	Duchefa Hà Lan	Code:M0222.0050 lọ pha được 50 Lít	Lọ	1
40	Môi trường MS Murashige & Skoog medium including vitamin	Duchefa Hà Lan	M0222.0050 lọ pha được 50 Lít	Lọ	1
41	Môi trường B5 Gamborg B5 medium including vitamins	Duchefa Hà Lan	G0210.0050 lọ pha được 50 Lít	Lọ	1
42	Manganese sulphate _ MnSO4 TQ	China	MnSO4 99.0 % ~101.0 %	Lọ/500g	1
43	Ammonium sulphate _ (NH4)2SO4 TQ	China	(NH4)2SO4 $\geq$ 99 %	Lọ/500g	1
44	Sodium carbonate _ Na2CO3 TQ	China	Na2CO3 $\geq$ 99 %	Hộp/500g	1
45	Ống chuẩn HCl 0,1 N	VietNam	Ống Pha 1L	ống	7

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
46	Petro ether	TQ	Phạm vi sôi, °C 60~90	Chai/500ml	1
47	Pepton (Peptone, Bacteriological RM001-500G)	Ấn Độ	Dễ tan trong nước cất/nước tinh khiết, không tan trong cồn.	Chai/500g	3
48	Potassium iodide - KI	TQ	KI $\geq 99\%$	Lọ/500g	1
49	Potassium hydrophosphate monobasic _ KH ₂ PO ₄	Merck	KH ₂ PO ₄ $\geq 99\%$	Lọ/1kg	1
50	Potassium nitrate _ KNO ₃ TQ	China	KNO ₃ $\geq 95\%$	Lọ/500g	5
51	Potassium phosphate dibasic _ K ₂ HPO ₄ TQ	China	K ₂ HPO ₄ $\geq 98\%$	Lọ/500g	1
52	Iron (III) sunfate - Fe ₂ (SO ₄) ₃	China	Hàm lượng (như Fe), % 21.0~23.0	Lọ/500g	1
53	Sodium acetate _ CH ₃ COONa	China	CH ₃ COONa $\geq 99\%$	Lọ/500g	1
54	Sodium alginate	Shanghai Zhanyun Chemical - TQ	Tổn thất khi sấy < 15,5%	Lọ/500g	1
55	Sodium chloride _ NaCl TQ	China	NaCl $\geq 99\%$	Lọ/500g	4
56	Sodium hydroxyde _ NaOH TQ	China	NaOH $\geq 99\%$	Lọ/500g	1
57	Sucrose	China	Độ quay quang học riêng, $\alpha_m(20^\circ\text{C}, \text{D}), (^\circ) \cdot \text{m}^2/\text{kg} +66.2 \sim +66.7$	Lọ/500g	3
58	Thymol (AR, Chai 25G, Xilong, Cas 89-83-8)	China	Phạm vi điểm nóng chảy, °C 49.5~52	Lọ/25g	1
59	Trypton type 1	Ấn Độ	Dễ tan trong nước cất/nước tinh khiết, không tan trong rượu và các loại khác	Lọ/500g	1
60	Tween 80	TQ	Mật độ (25°C), g/mL 1.060~1.100	Chai 100ml	1
61	Vitamin tổng hợp của môi trường Schenk & Hildebr&t	Duchefa Hà Lan	Code:S0411.0250	Lọ/250ml	1
62	Yeast extract powder RM027-500G	Ấn Độ	Độ hòa tan Tan: dễ dàng trong nước cất/nước tinh khiết, không tan trong cồn	Lọ/500g	3
II	DỤNG CỤ				

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
63	Bẫy vàng	China	Cuộn	Cuộn	1
64	Bao bọc giày phòng sạch vải không dệt	Việt Nam	vải không dệt	cái	200
65	Bình tam giác 1000mL	Đức	Dung tích 1000 ml	cái	4
66	Bình tam giác 500mL	Đức	Dung tích 500 ml	cái	4
67	K1644 Bình nhựa thành dày có van HDPE	Đức	K1644 h nhựa dày có van HDPE	5 lít	1
68	217217709 Bình cầu đáy tròn 6000ml N51	Đức	217217709 Bình cầu đáy tròn 6000ml N51	6000 ml	2
69	Bộ que cấy vi sinh (thẳng, móc, vòng)	Vietnam	Bộ que cấy vi sinh (thẳng, móc, vòng)	Cái	1
70	Bông thấm nước	Vietnam	Bông thấm nước	Kg	1
71	Bông không thấm	Vietnam	Bông không thấm	Kg	1
72	Cán dao mổ số 4	Việt Nam	Inox không rỉ	Chiếc	5
73	Chai trung tính thủy tinh 1000ml	Đức	Dung tích 1000 ml	Cái	2
74	Chai trung tính thủy tinh 500ml	Đức	Dung tích 500 ml	Cái	2
75	Chai bi thủy tinh	China/ VN	2 ml	Cái	250
76	Chai nhỏ giọt thủy tinh (màu nâu)	China/ VN	Dung tích 10 ml	cái	30
77	Chổi rửa lớn	Vietnam	Cước màu nâu	cái	5
78	Chổi rửa nhỏ	Vietnam	Cước màu nâu	cái	10
79	Cốc đong thủy tinh 500mL	China	Dung tích 500 ml	cái	2
80	Cốc đong thủy tinh 100ml	Đức	Dung tích 100 ml	cái	7
81	Cốc đong thủy tinh 50 ml	Đức	Dung tích 50 ml	Cái	10
82	Dao mổ số 4	Ấn độ	Inox không rỉ	hộp	1
83	Dầu lau kính hiển vi	Optika (Ý)	Dầu lau kính 25ml + 5 que gạt + Vải chống tĩnh điện 18×15 cm + 2 khăn lau thông minh	Bộ	1
84	Đầu tip 1000mL	Đức	1000mL	Gói/500 cái	3
85	Đầu tip 100mL	Đức	100mL	Gói/500 cái	4

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
86	Đĩa 96 giếng	SPL	Nhựa PS	Cái	10
87	Đĩa petri d = 10 cm	Normax	100x15mm	Cái	50
88	Đĩa petri thủy tinh phuy 90x15mm	Đức	90x15mm	cái	50
89	Đầu Adapter nhám (1 đầu nhám 1 đầu cong)	Đức	Thủy tinh 1 đầu nhám 1 đầu cong	cái	3
90	Găng tay Top S	Malaysia	Cao su ít bột	hộp	15
91	Găng tay Nitrile (không bột) size M	Vietnam	Cao su không bột	Hộp/ 50 đôi	2
92	Giấy rô ki đựng tiêu bản Kích thước: 30 x 42 cm	Việt Nam	Kích thước: 30 x 42 cm	Tờ	300
93	Giấy lọc định tính dạng tấm tròn	TQ	Φ 110mm	Hộp (100 tờ/hộp)	4
94	Giấy pH 0-14 Merck (dạng que)	Đức	Mã: MER62370	Hộp	1
95	Giấy lau kính hiển vi #105	Việt Nam/Trung Quốc	10x15 cm.	Hộp (100 tờ/hộp)	2
96	Hộp hấp petri inox VNA41600	Việt Nam	Inox	Hộp	2
97	Hộp nhuộm lam hình chữ nhật (4 bộ phận) BRD41760	Assitent	Hình chữ nhật có nắp đậy thủy tinh, thành dày và thủy tinh trong suốt.	Hộp	2
98	Hộp đựng đầu tip hấp được	Biologix - USA	2-200uL	Hộp	3
99	Hộp đựng đầu tip hấp được	Biologix - USA	200-1000uL	Hộp	3
100	Hộp trữ đông Maxxline®	AHN - Đức	cho ống cryo 5.0mL, 130x130x90mm	Hộp	3
101	Kéo cắt cảnh	Việt Nam	Thép không rỉ	Cái	5
102	Kệ nhựa lớn, 4 tầng, có bánh xe	Vietnam	nhựa lớn, 4 tầng, có bánh xe	kệ	1
103	Khay inox có đục lỗ	Việt Nam	40x60x7cm	Cái	3
104	Lưỡi dao số 11	Ấn	Lưỡi dao số 11	hộp/100 cái	4
105	Lưỡi dao cây	Ấn	Lưỡi dao số 11	hộp/100 cái	5

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
106	Nút cao su hoặc silicon có lỗ (các đường kính thông dụng)	VN	Cao su có lỗ	cái	10
107	Nhiệt kế	China	dùng đo nhiệt độ tủ lạnh	Cái	1
108	Ống Eppendorf 1.5ml	Đức	1.5ml	Bịch 500 ống	2
109	Ống facol đáy nhọn 50mL	Đức	50mL	cái	100
110	Ống facol đáy nhọn 15mL	Đức	15mL	cái	100
111	Ống nghiệm có nắp nhựa Ø18mm	Đức	Ø18mm	cái	100
112	Pank 16 cm	Pakistan	inox 16cm	cái	1
113	Phễu thủy tinh 90mm	Vietnam	90mm	cái	2
114	Pipet thủy tinh 10mL	ISOLAB	Dung tích 10mL	cái	5
115	Pipet thủy tinh 5mL	ISOLAB	Dung tích 5mL	cái	5
116	Quả bóp 3 ngã	Hischman	Quả bóp cao su 3 van	cái	5
117	Quả bóp quả lê	TQ	Quả bóp cao su	cái	9
118	Quần áo phòng sạch liền thân có mũ	VN	iSafe	cái	4
119	Que trang nhựa vi sinh đầu tròn	ISOLAB	nhựa vi sinh đầu tròn	Bịch 10 cái	1
120	Que trang thủy tinh	VN	thủy tinh	cái	10
121	TLC Silica gel 60	Merck	Bảng mỏng sắc ký - TLC Silica gel 60 F ₂₅₄ (Aluminum TLC plate, silica gel coated with flourescent indicator F254) (Merck/Supelco) 105554.0001	Hộp	1
122	Thùng nhựa hình chữ nhật, có nắp đậy 15lít	Việt Nam	Thùng 15 Lít	cái	10
123	Syringe nylon	TQ	0.22 um	Hộp	1
124	Xô nhựa 5 lít có nắp đậy	Vietnam	Xô 5 Lít	xô	5
B	KHOA HOÁ HỌC				
I	HOÁ CHẤT				

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
1	(Muối Morh) Fe (III)-FeSO ₄ (NH ₄)SO ₄ .12H ₂ O	TQ	FeSO ₄ (NH ₄)SO ₄ .12H ₂ O ≥ 97%	Lọ/500g	4
2	Acid oxalic _ H ₂ C ₂ O ₄ TQ	TQ	H ₂ C ₂ O ₄ ≥ 97	Lọ/500g	3
3	Bộ thuốc nhuộm Gram (4chai/100ml)	TQ	Bộ gồm 4chai/100ml	Bộ	1
4	Potassium bromide _ KBr TQ	TQ	KBr ≥ 97	Lọ/500g	2
5	Potassium sulphate _ K ₂ SO ₄	TQ	K ₂ SO ₄ ≥ 99%	Lọ/500g	1
6	Sodium chloride _ NaCl TQ	TQ	NaCl ≥ 99%	Lọ/500g	20
7	Sodium hydroxyde _ NaOH TQ	TQ	NaOH ≥ 99%	Lọ/500g	4
8	Acid clohydric (HCl)	TQ	HCl ≥ 36 %	Chai/500ml	2
9	Aluminium sulphate _ Al ₂ (SO ₄) ₃	TQ	Al ₂ (SO ₄) ₃ ≥ 97%	Lọ/500g	2
10	BGBL (Môi trường test Colifrom) Brilliant Green Bile Broth, 2% (Himedia) M121-500g	Ấn Độ	Code: M121-500g Bacillus cereus ATCC 10876 ≥ 10 ⁴	Lọ/500g	1
11	Chất chuẩn Curcumin (C1386-5 CURCUMIN FROM CURCUMA LONGA CRYSTALLINE)	Mỹ	Code: C1386-5 - Purity (HPLC) ≥ 65 %	Lọ/5g	1
12	Choline Chloride 98% GRM10699-500G	Ấn Độ	Code: GRM10699-500g - Assay 99.00% - 101.50%	Lọ/500g	2
13	EDTA 2Na	TQ	C ₁₀ H ₁₄ N ₂ Na ₂ O ₈ ≥ 99%	Lọ/500g	6
14	Ether Dầu hỏa 30 - 60 (Petroleum Ether 30-60)	TQ	Phạm vi sôi, °C 30~60	Chai/500ml	5
15	n - Hexan	TQ	C ₆ H ₁₄ ≥ 97%	Chai/500mL	4
16	Hợp kim Devarda (Chất Devarda's alloy CAS 8049-11-4 lọ 100g)	TQ	CAS 8049-11-4	Lọ/100g	1
17	Magnesium Citrate: Mg ₃ (C ₆ H ₅ O ₇) ₂	Ấn Độ	Assay (Mg, EDTA Titration, dried basis 14.50% - 16.40%)	Lọ/500g	2
18	Magnesium uranyl acetate (C ₈ H ₁₂ MgO ₁₀ U) Chất bột Magnesium acetate tetrahydrate lọ 500g CAS 16674-78-5	TQ	C ₄ H ₆ MgO ₄ ≥ 97%	Lọ/500g	1
19	NaC ₆ H ₁₁ O ₇ (Chất natri gluconat sodium gluconate CAS 527-07-1 C ₆ H ₁₁ NaO ₇)	TQ	Assay (NT) 97.50% - 102%	Lọ/100g	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
20	Ống chuẩn HCl	TQ	Ống pha vừa đủ 1L	Ống	2
21	Ống chuẩn Na ₂ S ₂ O ₃	TQ	Ống pha vừa đủ 1L	Ống	10
22	Ống chuẩn NaOH	TQ	Ống pha vừa đủ 1L	Ống	2
23	Potassium iodide _ KI TQ	TQ	KI ≥ 99%	Lọ/500g	1
24	Propylen glycol	TQ	C ₃ H ₈ O ₂ ≥ 99%	Chai/500mL	1
25	Sắc ký giấy Whatman 20*20cm	TQ	Whatman kích thước 20*20cm	Hộp	1
26	Thuốc thử Folin- Ciocalteu	TQ	pH của dung dịch nước 10% w/v ở 25°C :4 - 7,50	Chai/100 ml	1
27	Xylenol cam TQ (Lọ/5g)	TQ	C ₃₁ H ₂₈ N ₂ Na ₄ O ₁₃ S	Lọ/5g	1
II	DỤNG CỤ				
28	186007283 Reliant C18 5μm 4.6x250mm Column Waters - Mỹ	Mỹ	Cung cấp Certificate of Origin/Certificate of Quality	Cái	1
29	Bao rác 10 Kg	VN	Túi 10kg	Kg	10
30	Bao rác 20 Kg	VN	Túi 20kg	Kg	6
31	Bật lửa	VN	Chất liệu : Làm từ nhựa AS Kích thước : Ngang 2.5 cm * dài 8 cm; Đánh lửa : Với thao tác lằn con xoay và bật lửa	Cái	20
32	Bếp hồng ngoại đơn SunHouse SHD 6015(EMC)	VN	Công suất vùng nấu: 2000W Điện áp: 220V - 50 Hz Kích thước vùng nấu: 20.5 x 20.5 cm	Cái	3
33	Bình định mức 1000mL	Đức	Dung tích 1000 ml	Cái	1
34	Bình định mức 100mL	Đức	Dung tích 100 ml	Cái	5
35	Bình định mức 10mL	Đức	Dung tích 10 ml	Cái	20
36	Bình định mức 250ml	Đức	Dung tích 250 ml	Cái	3
37	Bình định mức 25ml	Đức	Dung tích 25 ml	Cái	10
38	Bình định mức 50mL	Đức	Dung tích 50 ml	Cái	5

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
39	Bình tam giác 100mL	Đức	Dung tích 100 ml	Cái	10
40	Bình tam giác 250mL	Đức	Dung tích 250 ml	Cái	20
41	Bình tia 500 mL	TQ	Dung tích 500ml	Cái	10
42	Bình Wut 100ml	Đức	Dung tích 100ml	Cái	2
43	Buret ngắn 25 cm , khóa teflon	India	Khóa nhựa ; Dung tích 25 ml	Cái	5
44	Bút viết bảng đen, đỏ, xanh	VN	Màu đen, đỏ, xanh	Hộp	10
45	Cây lau nhà trợ lực tròn	VN	Kích thước : 10 × 10 × 122 cm	Cái	2
46	Cuvet thủy tinh	Labomec	Kích thước ngoài (HxWxD mm): 45 x 12,5 x 12,5 mm Path length: 10mm, Chiều rộng bên trong: 10mm, Thể tích chứa: 3,5mL	Cái	2
47	Chai thủy tinh đựng mẫu màu nâu có nắp 250 mL	Đức	Dung tích 250 ml	Chai	6
48	Chổi quét nhà cán nhỏ	VN	Nguyên liệu: PP, Inox	Cái	10
49	Găng tay Vglove nitril size M	VN	Chiều Dài Găng : 230mm, Chiều Rộng Găng 95 ± 5 mm	Hộp/50 đôi	4
50	Găng tay Vglove nitril size S	VN	Chiều Dài Găng : 220mm, Chiều Rộng Găng 85 ± 5 mm	Hộp/50 đôi	12
51	Giá + kẹp Buret	TQ	Kim loại, đầu bọc nhựa	Cái	5
52	Giá nhựa cắm pipet các loại	VN	Chất liệu: Nhựa ABS Màu sắc: Trắng	Cái	10
53	Giấy lọc Ø 11	TQ	Định tính 110mm	Hộp	15
54	Giấy lọc Ø 9	TQ	Định tính 90mm	Hộp	5
55	Giấy quỳ đa năng pH 1-14	Đức	Cuộn 3m8	Hộp	10
56	Giấy vệ sinh bless you không lõi	VN	100% bột giấy nguyên thủy.	Lốc	12
57	Hốt rác nhựa có tay cầm cao	VN	Nhựa có tay cầm cao	Cái	5
58	Kẹp ống nghiệm	VN	Gỗ	Cái	10
59	Kẹp và khóa bình cầu	VN	Kim loại, đầu bọc nhựa	Cái	10
60	Khăn lau hút nước đủ màu không lấy màu trắng	VN	Khăn lau hút nước	Cái	120

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
61	Khẩu trang than hoạt tính	VN	4 Lốp	Hộp/50 cái	12
62	Nước lau sàn nhà sunlight	VN	Can/3.6 Kg	Can/3.6 Kg	4
63	Nước rửa chén sunlight	VN	Can/3.6 Kg	Can/3.6 Kg	3
64	Ống đong thủy tinh 10mL	Đức	Dung tích 10mL	Cái	5
65	Pipet 1mL	Đức	Dung tích 1mL	Cái	10
66	Pipet 2mL	Đức	Dung tích 2mL	Cái	10
67	Phễu chiết nút Teflon 100mL	Đức	Dung tích 100ml	Cái	2
68	Phễu chiết nút Teflon 500mL	Đức	Dung tích 500ml	Cái	2
69	Rổ nhựa 50 x 34 x 11.5 cm	VN	Kích thước 50x34x11.5cm	Cái	12
70	Thìa xúc hóa chất inox 210	TQ	Inox	Cái	10
71	Win nước tẩy rửa	VN	Chai 1L	Chai/1L	4
C	KHOA NÔNG LÂM				
I	HÓA CHẤT				
1	2,3,5-Triphenyltetrazolium chloride T8877	Sigma Aldrich	Purity (HPLC) $\geq 98.0 \%$	Lọ/5g	1
2	Acetone	China	$\text{CH}_3\text{COCH}_3 \geq 99.0 \%$	Chai/500ml	1
3	Acid acetic	China	$\text{CH}_3\text{COOH} 36.0\% \sim 37.0\%$	Chai /500ml	2
4	Acid gibberelic (GA3) G7645-1G	Sigma Aldrich	Purity (HPLC) $\geq 90 \%$	Lọ/1g	1
5	Acid sorbic	China	$\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_2 \geq 99 \%$	Bịch /500g	1
6	Agar	Vietnam	Hàm lượng chất tan trong nước $\geq 99 \%$	Gói/500 g	6
7	Ammonium nitrate _ NH_4NO_3	China	$\text{NH}_4\text{NO}_3 \geq 95 \%$	Lọ/500g	1
8	Axit dinitrosalicylic (3,5-Dinitrosalicylic acid, Hi-AR™) GRM1582-100G	Ấn Độ	$\text{C}_7\text{H}_4\text{N}_2\text{O}_7 \geq 95 \%$	Lọ/100g	1
9	Calcium chloride _ CaCl_2	China	$\text{CaCl}_2 \geq 98 \%$	Lọ/500g	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
10	Calcium chloride _ CaCl ₂	China	CaCl ₂ ≥ 98 %	Lọ/500g	2
11	Citric acid thực phẩm	China	C ₆ H ₈ O ₇ ≥ 99 %	Bịch /1 kg	2
12	CM chitin-RBV (Chitin GRM1356-500G)	Ấn Độ	Dạng vảy, không tan trong nước	Lọ/500g	1
13	CMC thực phẩm	China	CMC thực phẩm	Túi/500g	2
14	Colloidal chitin GRM1356-500G	Ấn Độ	Dạng vảy, không tan trong nước	Lọ/500g	1
15	Copper sulphate _ CuSO ₄ TQ	China	Copper sulphate _ CuSO ₄ ≥ 99 %	Lọ/500g	1
16	Dextro-monohydrate (chất chuẩn)	Bungari	SB19531.250MG D-(+)-Glucose CAS: 50-99-7 EC:200-075-1	Lọ/250 mg	1
17	D-glucose	China	Độ quay riêng +52.5 ~ +53.0	Lọ/500g	1
18	Dung dịch bảo quản máy đo pH KCl 3M (Dung dịch bảo quản điện cực Kali Clorua 3.5Mol HI70300L)	Hanna	(Dung dịch bảo quản điện cực Kali Clorua 3.5Mol HI70300L)	Chai/500ml	1
19	Dung dịch chuẩn pH 4,01 Hanna	Hanna	Độ chính xác ±0.01 pH @25°C	Chai/500ml	1
20	Dung dịch chuẩn PH 7,0 Hanna	Hanna	Độ chính xác ±0.01 pH @25°C	Chai/500ml	1
21	Dung dịch tiêu chuẩn 7 ion (Fluoride, Chloride, Nitrite, Bromide, Nitrate, Phosphate, Sulfat) P/N057590.L1 Combined Seven Anion Standard II - 7 components: Fluorides (F-) 20mg/l ; Chlorides (Cl-) 100mg/l ; Nitrites (NO ₂ -) 100mg/l ; Bromides (Br-) 100mg/l ; Nitrates (NO ₃ -) 100mg/l ; Phosphates (PO ₄ 3-) 200mg/l ; Sulphates (SO ₄ 2-) 100mg/l in WaterCPAchem, Bungari	Thermo (Mỹ)	(Fluoride, Chloride, Nitrite, Bromide, Nitrate, Phosphate, Sulfat) P/N057590.L1 Combined Seven Anion Standard II - 7 components: Fluorides (F-) 20mg/l ; Chlorides (Cl-) 100mg/l ; Nitrites (NO ₂ -) 100mg/l ; Bromides (Br-) 100mg/l ; Nitrates (NO ₃ -) 100mg/l ; Phosphates (PO ₄ 3-) 200mg/l ; Sulphates (SO ₄ 2-) 100mg/l in Water CPAchem, Bungari	Lọ 100ml	1
22	EDTA pH 8.0 ML014-500ML	Ấn Độ	EDTA 0,5M pH 8,0	Chai /500mL	1
23	EDTA.2Na.2H ₂ O	China	C ₁₀ H ₁₄ N ₂ Na ₂ O ₈ ≥ 99%	Lọ/250g	1
24	Enzym pectinase thực phẩm	China	Enzym pectinase trong thực phẩm	Túi/100 g	1
25	Ethylene diaminetetraacetic acid (EDTA) 1084180100	Merck	Titration with EDTA 99.0 - 101.0 %	Lọ/100g	1
26	Fructose D- fructose 99%	China	D- fructose 99%	Lọ/ 500g	1
27	Fructose (chất chuẩn)		N-11558-1G	Hộp	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
28	Găng tay cao su size M, L Nitrile	Việt Nam	cao su	Hộp	2
29	Giấy vệ sinh blessyou	Việt Nam	Giấy vệ sinh blessyou	lốc /10 cuộn	5
30	Glucose	China	Độ quay riêng +52.5~+53.0	Lọ/ 500g	2
31	Guaiacol RM1118-250G	Ấn Độ	Guaiacol RM1118-250G	Lọ/250g	1
32	HEPES PCT1532-100G HEPES CHAI 100G	Ấn Độ	PCT1532-100G	Lọ /100g	1
33	Hexane	China	C ₆ H ₁₄ ≥ 97%	Chai/500ml	3
34	HNO ₃	China	HNO ₃ 65.0~68.0 %	Chai/500ml	1
35	Kali natri tartrate	China	C ₄ H ₄ KNaO ₆ ≥ 99%	Lọ/500g	1
36	Lactose Alpha-Lactose monohydrate (AR, Xilong, Chai 500G, Cas 5989-81-1)	China	Purity (GC) Total-Lactose ≥ 95 %	Lọ/ 500g	1
37	Lamen Normax	Đức	Phiến kính (lamen)	Hộp /200 cái	10
38	L-Ascorbic acid (vitamin C) C ₆ H ₈ O ₆ (50-81-7)	Việt Nam	C ₆ H ₈ O ₆ ≥ 99%	Lọ/25g	1
39	L-phenylalanine 1072560100 L-PHENYLALANINE FOR BIOCHEMISTRY	Merck	Purity (TLC) ≥ 98 %	Lọ/100g	1
40	Maganese sulphate MnSO ₄	China	MnSO ₄ 99.0 % ~101.0 %	Lọ/500g	1
41	Men rượu rv002 Saccharomycess Cerevisiae	China	Men rượu rv002 Saccharomycess Cerevisiae	Gói/500 g	1
42	MgCO ₃ Magnesium Carbonate basic pentahydrate (AR, Xilong, Gói 250G, Cas 39409-82-0)	China	Hàm lượng (tính theo MgO), % 40.0~44.5	Hộp/250g	1
43	MgSO ₄ 7H ₂ O	China	MgSO ₄ ≥ 99 %	Lọ/500g	1
44	Môi trường PDA (Potato dextrose agar Himedia (Lọ/500g)) M096	Ấn Độ	Assay (GC) >= 97.00%	Lọ/500g	1
45	n-Hexan	China	C ₆ H ₁₄ ≥ 97%	Chai /500ml	6
46	ống chuẩn NaOH 0.1N	Việt Nam	Pha 1L	Ống	3
47	Ống ficol 50 mL	China	Dung tích 50ml	Túi/100 cái	2
48	Ortho-Phosphoric acid, 1 l Acid phosphoric _ H ₃ PO ₄	China	H ₃ PO ₄ ≥ 85%	Chai /500ml	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
49	Petroleum ether	China	Phạm vi sôi, °C 60~90	Chai/500ml	2
50	Potassium bicarbonate _ KHCO ₃ TQ	China	KHCO ₃ ≥ 99%	Hộp/500 g	1
51	Potassium hydrophosphate monobasic KH ₂ PO ₄	China	KH ₂ PO ₄ ≥ 99 %	Lọ/500g	1
52	Potassium nitrate _ KNO ₃	China	KNO ₃ ≥ 95 %	Lọ/500g	6
53	Potassium Persulfate CAS 7727-21-1 K ₂ S ₂ O ₈	China	K ₂ S ₂ O ₈ ≥ 99 %	Lọ/500g	1
54	Rây lọc có kích thước 2mm	China	Kích thước: 2mm	Cái	2
55	Saccharose (chất chuẩn) D(+)-Saccharose CAS:57-50-1 EC:200-334-9	Bungari	(chất chuẩn) D(+)-Saccharose CAS:57-50-1 EC:200-334-9	Lọ/250 mg	1
56	Serotonin (5-hydroxytryptamine [5-HT] H9523	Sigma Aldrich	Purity (TLC) ≥ 98 %	Lọ/25mg	1
57	Sodium citrate C ₆ H ₅ Na ₃ O ₇ .2H ₂ O Trisodium Citrate dihydrate (AR, , Xilong, Cas 6132-04-3)	China	Tri-Sodium Citrate dihydrate >95%	Chai/ 500G	1
58	Sodium nitroprusside Na ₂ [Fe(CN) ₃ NO]2H ₂ O Sodium nitroprusside dihydrate, Hi-LR™ GRM987-100G	Ấn Độ	Assay (AT) 99% - 102%	Chai/ 100G	1
59	Soluble starch	China	Giá trị pH (dung dịch 20g/L; 25°C) 6.0~7.5	Lọ/500g	1
60	Sucrose	TQ	Độ quay quang học riêng, α _m (20°C,D), (°) ·m ² /kg +66.2~+66.7	Lọ/ 500g	2
61	Syringe filter 0.22 μm (25 mm)	Mỹ	Kích thước lỗ 0.22μm, đường kính màng 25mm	Hộp/100 cái	2
62	toluene 1083251000	Merck	C ₆ H ₅ CH ₃ , ≥ 95%	Lọ/1kg	1
63	Trypan Blue solution T8154-20ML	Sigma Aldrich	Code: T8154-20ML	Lọ/20mL	1
64	Túi rác cỡ trung / lớn	Việt Nam	cỡ trung / lớn	Kg	4
65	Tween 80	China	Mật độ (25°C), g/mL 1.060~1.100	Chai /100ml	2
66	Zn(CH ₃ COO) ₂ .3H ₂ O	China	Zn(CH ₃ COO) ₂ ≥ 99%	Lọ/500g	1
67	β-Mercaptoethanol (2-Mercaptoethanol (beta-Mercaptoethanol, Biobasic, Chai 100ML, Cas 60-24-2)	Canada	Purity ≥99.0%	Chai /100ml	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
II	DỤNG CỤ				
68	Băng keo giấy 2 cm	Việt Nam	cuộn 2cm	lốc 10 cuộn	2
69	Băng keo trong	Việt Nam	cuộn 5cm	lốc 10 cuộn	2
70	Băng keo trong	Việt Nam	cuộn 2cm	lốc 10 cuộn	1
71	Bếp hồng ngoại đơn Sunhouse SHD 6015(EMC)	Việt Nam	Ngang 30.7 cm - Dọc 39 cm - Cao 6.3 cm - Nặng 2.55 kg	Cái	1
72	Bịch nylon cây mô (15x20) dày	Việt Nam	15x20	Kg	40
73	Bình phun xịt chạy điện 20L	Mitsuyama TL-20TLS	Mitsuyama TL-20TLS	Cái	2
74	Bình tam giác thủy tinh có nhánh 1000 ml	Mỹ	Pyrex	Cái	1
75	Bình tưới cây phun sương 2L	Việt Nam	2L	Cái	4
76	Bình tưới cây phun sương 8L	Việt Nam	8L	Cái	1
77	Bộ cây lau nhà 360 (Loại tốt)	Việt Nam	Cây inox Nhựa PP Sợi Polyester	Bộ	3
78	Bộ lọc chân không phễu sứ buchner (dùng vòng đệm cao su)	China	Bình 500ml + phễu 100 ml	Bộ	1
79	Boric acid 1001650100	Merck	Assay $\geq 98 \%$	Lọ/100g	1
80	Bút dạ kính TL-PM04	Việt Nam	TL-PM04 Màu đen, loại nhỏ	Hộp	2
81	Bút viết kính	Việt Nam	Bút viết kính	Hộp	2
82	Ca đánh sữa mũi tròn inox 300ml	China	Cafede Kona	Cái	2
83	Cá khuấy từ 3 cm	Đức	dài 3 cm	Cái	1
84	Ca nhựa có quai vạch xanh 2000ml 026.04.902 Isolab	Đức	Dung tích 2000ml	Cái	1
85	Ca nhựa có quai vạch xanh 3000ml 026.04.903 Isolab	Đức	Dung tích 3000ml	Cái	2
86	Ca nhựa Tân Lập Thành (mã sản phẩm: 90303, Kích thước: 14,8x9x26,5cm)	Việt Nam	(mã sản phẩm: 90303, Kích thước: 14,8x9x26,5cm)	Cái	10
87	Chén sứ nung	China	dung tích 50 mL	Chén	20

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
88	Chổi rửa ống nghiệm lớn	Việt Nam	Cước đen	Cái	4
89	Cốc đong 1L	China	Thủy tinh Dung tích 1000ml	Cái	3
90	Cốc đong 250ml	China	Thủy tinh Dung tích 250 ml	Cái	5
91	Cốc đong 500ml	China	Thủy tinh Dung tích 500 ml	Cái	5
92	Cối xay cà phê Hario Grinder Skerton Plus MSCS-2DTB	Nhật Bản	Hario Grinder Skerton Plus MSCS-2DTB	Cái	1
93	Cồn 97	Việt Nam	~96%	Lít	120
94	Cuộn giấy bạc (nhôm) Googfoil	Việt Nam	45cm 5kg	Cuộn	1
95	Đầu côn pipet tips 10uL	Mỹ	đầu tip Biologix 10uL	Bịch /1000 cái	2
96	Đầu côn pipet tips 1mL	Mỹ	đầu tip Biologix 1mL	Bịch /1000 cái	2
97	Đầu côn pipet tips 200 uL	Mỹ	đầu tip Biologix 200 uL	Bịch /1000 cái	2
98	Đầu côn pipet tips 5mL	Mỹ	đầu tip Biologix 5mL	Bịch /100 cái	2
99	Đầu lọc mẫu (Syringe filters), 25mm, 0.45µm, chất liệu hydrophilic	Taiwan	Đầu lọc mẫu (Syringe filters), 25mm, 0.45µm, chất liệu hydrophilic PTFE	Gói/100 cái	1
100	Đĩa petri 90mm (Petri 90x15mm)	Đức	Thủy tinh 90x15mm	Bộ	100
101	Đũa thủy tinh phòng thí nghiệm	China	Đũa thủy tinh dài	Cái	1
102	Đường cát trắng Biên hòa	Việt Nam	Đường cát trắng Biên hòa	Kg	20
103	Găng tay Nitrile màu xanh size M	Việt Nam	size M	Hộp/50 đôi	2
104	Gía cho tuýp 1.5 mL hoặc 2 mL 80 vị trí	China	tuýp 1.5 mL hoặc 2 mL 80 vị trí	Cái	5
105	Giấy bạc nướng	Osaka	cuộn 5kg	Cuộn	2
106	Giấy cân bề mặt bóng Giấy cân UNI-Sci khổ vuông 12.5cm	China	Giấy cân bề mặt bóng Giấy cân UNI-Sci khổ vuông 12.5cm	Hộp	2
107	Giấy không bụi Kimwipe	Taiwan	Giấy không bụi Kimwipe	Hộp	5
108	Giấy lọc định tính 110mm TQ	China	Giấy lọc định tính 110mm TQ	Hộp	5
109	Giấy vệ sinh		Emos 10 cuộn/lốc	Lốc	5
110	Hốt rác nhựa cán dài	Việt Nam	Hốt rác nhựa cán dài	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
111	Kéo y tế 16 cm	Pakistan	inox dài 16 cm	Cái	2
112	Khăn lau màu trắng	Việt Nam	Khăn lau màu trắng	Kg	1
113	Khăn lau màu trắng 30 x 40cm	Việt Nam	30 x 40cm	Cái	10
114	Khẩu trang y tế	Việt Nam	Khẩu trang y tế	Hộp/ 50 cái	1
115	Khay inox 304 thực phẩm	Việt Nam	40x60x10cm	Cái	3
116	Khay nhựa đen trồng thủy canh kích thước 63*41*20cm	Việt Nam	63*41*20	Cái	100
117	Lưỡi dao số 11	Việt Nam	Lưỡi dao số 11	Hộp/100 cái	4
118	Lưới nung amiang	China	20x20cm ø15cm	Cái	5
119	Màng bọc thực phẩm Las palms 600	Việt Nam	Màng bọc thực phẩm Las palms 600	Cuộn	1
120	Muỗng xúc hóa chất inox	Việt Nam	2 đầu tròn 18 cm	Cái	5
121	Muỗng xúc hóa chất inox	Việt Nam	2 đầu tròn 22 cm	Cái	2
122	Muỗng xúc hóa chất inox	Việt Nam	đầu dẹt 22 cm	Cái	2
123	Nước lau sàn Sunlight 3,6kg	Việt Nam	Nước lau sàn Sunlight 3,6kg	Can/3.6 kg	2
124	Nước rửa chén Sunlight	Việt Nam	Nước rửa chén Sunlight	Can	2
125	Ống chuẩn HCl 0.1N	VN	Pha 1L	Ống	1
126	Ống ly tâm nhựa 15ml	Đức	25 tubes/túi	Bịch/ 25 cái	4
127	Ống ly tâm nhựa 50ml	Đức	25 tubes/túi	Bịch/ 25 cái	4
128	Ống nhựa dẫn nước tưới lưới xanh Việt Úc phi 27mm	Việt Nam	Ống nhựa F27mm	Cuộn 50m	1
129	Phễu lọc Trà inox (Phễu 2 lít) (Phiếu Lọc Trà Inox 2L Thép 304)	Việt Nam	Phiếu Lọc Trà Inox 2L Thép 304	Cái	2
130	Thau trộn inox 304 chống dính	Việt Nam	size 27cm	Cái	3
131	Thau trộn inox 304 chống dính	Việt Nam	size 30cm	Cái	3
132	Thùng nhựa tròn có nắp đậy 100L	Việt Nam	Thùng nhựa tròn có nắp đậy 100L	Cái	2
133	Túi rác cỡ trung/lớn	Việt Nam	cỡ trung/lớn	Kg	10

STT	TÊN HÀNG HÓA	XUẤT XỨ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL
134	Tuýp ly tâm eppendorf 1.5 mL	Đức	eppendorf 1,5 mL	Bịch/500 cái	2
135	Tuýp ly tâm eppendorf 2 mL	Đức	eppendorf 2 mL	Bịch/500 cái	2
136	Xơ dừa đã xả chất	Vietnam	Xơ dừa đã xả chất	Bao/50Kg	50

Lưu ý:

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng, thông số kỹ thuật.
- Nhà thầu có thể lựa chọn hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng, thông số kỹ thuật **"tương đương"** hoặc **"ưu việt hơn"** so với các yêu cầu nêu trên kèm theo bảng so sánh đối chiếu cụ thể (nhà thầu ghi rõ model, ký mã hiệu, thương hiệu, tài liệu chứng minh để bên mời thầu đối chiếu). Nếu nhà thầu không có tài liệu chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn thì được xem là không đạt về mặt kỹ thuật. Sản phẩm phải có Cataloge của nhà sản xuất đính kèm.

1. 3. Các yêu cầu khác.

- Khi hàng hóa về tại chân công trình, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ tiến hành kiểm tra hàng hóa trước khi lắp đặt và nghiệm thu, nội dung kiểm tra: Mã hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất, giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ), tờ khai hải quan và cấu hình của hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu; phiếu xuất xưởng và các tài liệu liên quan đối với hàng hóa sản xuất trong nước.
- Bảo hành: Đối với hàng hoá thiết bị trong E-HSMT khi bàn giao phải có phiếu bảo hành của Nhà thầu hoặc của nhà sản xuất.
- Chi phí phương tiện, đi lại cho việc khắc phục các sự cố hư hỏng các thiết bị, máy móc trong thời gian bảo hành nhà thầu tự chịu trách nhiệm.
- Nếu nhà thầu chậm trễ thực hiện việc sửa chữa mà không có lý do chính đáng được chủ đầu tư chấp nhận thì nhà thầu phải chịu mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật kể cả chi phí quản lý mà chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng đã thuê một đơn vị khác thực hiện và không được khiếu nại bất cứ điều gì.

Mục 2. Bản vẽ: Không**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm.**

- Trong quá trình đánh giá E-HSDT, chủ đầu tư, bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa do Nhà thầu chào thầu để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của từng loại hàng hóa được nêu tại E-HSMT.
- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng theo yêu cầu E-HSMT hoặc Nhà thầu không thực hiện cung cấp đầy đủ hàng mẫu trong khoảng thời gian yêu cầu thì E-HSDT của Nhà thầu có thể bị loại theo quy định.